TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **99**/2018/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 27 tháng 04 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1970;**

Bị đơn: **Ông Trương Thành L, sinh năm 1970;**

Cùng địa chỉ: KĐT Đ, phường M, quận N, Hà Nội.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án của Quốc Hội số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 04 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị M và ông Trương Thành L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là chị Trương Thị Hồng D, sinh ngày 25/02/1991, anh Trương Thành K, sinh ngày 15/01/2000, cháu Trương Thành H, sinh ngày 08/04/2004. Chị Trương Thị Hồng D và anhTrương Thành K đã trưởng thành, ở với ai là quyền của anh chị. Giao cháu Trương Thành H cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con

của ông Trương Thành L cho đến khi bà Nguyễn Thị M có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông Trương Thành L có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và ông Trương Thành L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị M tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai số AK/2010/0007608 ngày 01 tháng 03 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Sau khi đối trừ, bà Nguyễn Thị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- UBND p.H, thị xã G, tỉnh N. (Để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 92 ngày 10/03/1990, quyển số 01);
- Các đương sự;
- Lưu HS, V.Phòng.

Thẩm phán

Đặng Thu Phương